

HỆ THỐNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Môn: Phân tích tài chính doanh nghiệp

Đại học Kinh tế quốc dân

<https://sites.google.com/site/baitamquatlam>

Vòng quay tổng tài sản

Câu 1: Doanh thu của Ramala Corp năm ngoái là \$48,000, và tổng tài sản của công ty là \$25,000. Vòng quay tổng tài sản (TATO) là bao nhiêu?

a. 1.88

b. 1.92

c. 1.10

d. 1.21

e. 1.32

Trả lời:

Vòng quay tổng tài sản:

$$\text{TATO} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TS bình quân}} = \frac{48.000}{25.000} = 1,92$$

Khả năng thanh toán lãi vay (TIE)

Câu 2: Doanh thu của Rubi Corp năm ngoái là \$435,000, chi phí hoạt động là \$350,000, chi phí lãi vay là \$10,000. Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay (TIE) là bao nhiêu?

a. 8.29

b. 8.42

c. 8.50

d. 8.68

e. 8.61

Trả lời:

$$\text{EBIT} = 435.000 - 350.000 = 85.000 \$$$

Tỷ số khả năng thanh toán lãi vay là:

$$\text{TIE} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Chi phí trả lãi vay}} = \frac{85.000}{10.000} = 8,5$$

Lợi nhuận biên trên doanh thu

Câu 3: Doanh thu của Robert Corp năm ngoái là \$300,000, lợi nhuận sau thuế là \$25,000. Doanh lợi doanh thu của công ty là bao nhiêu?

- a. 7.65%
- b. 7.82%
- c. 7.99%
- d. 8.16%
- e. 8.33%**

Trả lời:

Doanh lợi doanh thu của công ty là (hay còn gọi là Lợi nhuận biên trên doanh thu):

$$PM = \frac{\text{LNST hoặc Thu nhập ròng}}{\text{Doanh thu}} = \frac{25.000}{300.000} = 8,33\%$$

Doanh lợi tổng tài sản (ROA)

Câu 4: Tổng tài sản của Reynolds Corp ở thời điểm cuối năm ngoái là \$300,000 và lợi nhuận ròng sau thuế là \$25,000. ROA của công ty là bao nhiêu?

- a. 8.15%
- b. 8.33%**
- c. 8.51%
- d. 8.69%
- e. 8.87%

Trả lời:

Suất sinh lời trên tổng tài sản hay Doanh lợi tổng tài sản của công ty là:

$$ROA = \frac{\text{LNST}}{\text{Tổng TS}} = \frac{25.000}{300.000} = 8,33\%$$

Khả năng sinh lời cơ bản (BEP)

Câu 5: Tổng tài sản của Rollin Corp ở thời điểm cuối năm ngoái là \$300,000 và EBIT là \$75,000. BEP của công ty là bao nhiêu?

- a. 17.5%
- b. 20%
- c. 22.5%
- d. 25%**
- e. 27.5%

Trả lời:

Khả năng sinh lời cơ bản là:

$$BEP = \frac{\text{EBIT}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{75.000}{300.000} = 25\%$$

Doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE)

Câu 6: Tổng vốn cổ phần thường của Raleigh Corp ở thời điểm cuối năm ngoái là \$300,000 và lợi nhuận ròng sau thuế là \$55,000. ROE bằng?

a. 18.33%

b. 18.67%

c. 19%

d. 19.33%

e. 19.67%

Trả lời:

Doanh lợi vốn chủ sở hữu hay suất sinh lời trên VCSH là:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{55.000}{300.000} = 18,33\%$$

Tỷ số giá/Thu nhập (P/E)

Câu 7: Giá cổ phiếu của Rutland Corp tại thời điểm cuối năm ngoái là \$30.25 và thu nhập vốn cổ phần năm ngoái là \$2.45. P/E của công ty bằng?

a. 11.65

b. 12.00

c. 12.35

d. 12.70

e. 13.05

Trả lời:

Tỷ số giá trên thu nhập là:

$$P/E = \frac{\text{Giá trị trường của cổ phiếu}}{\text{EPS}} = \frac{30,25}{2,45} = 12,35$$

Giá thị trường/Giá trị sổ sách (M/B)

Câu 8: Giá cổ phiếu của Rand Corp tại thời điểm cuối năm ngoái là \$40 và giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là \$24.5. Tỷ số M/B là?

a. 1.03

b. 1.18

c. 1.33

d. 1.48

e. 1.63

Trả lời:

Giá trị thị trường trên giá trị sổ sách của cổ phiếu là:

$$P/B \text{ hoặc } M/B = \frac{\text{Giá trị thị trường của cổ phiếu}}{\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu}} = \frac{40}{24,5} = 1,63$$

Mô hình Dupont: tính toán cơ bản

Câu 9: Midwest Lumber có lợi nhuận biên là 5.1%, vòng quay tổng tài sản là 1.6 và hệ số nhân vốn chủ sở hữu là 1.8. ROE của công ty là?

a. 14.39%

b. 14.69%

c. 14.99%

d. 15.29%

e. 15.59%

Trả lời:

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{\text{VCSH}}$$

$$\Rightarrow \text{Hay } \text{ROE} = \text{PM} \times \text{TATO} \times \text{EM}$$

Với: PM là lợi nhuận biên

TATO là vòng quay tổng tài sản

EM là hệ số nhân VCSH

$$\text{ROE} = 5,1\% \times 1,6 \times 1,8 = 14,69\%$$

Doanh lợi vốn chủ sở hữu (ROE) – Tìm lợi nhuận ròng

Câu 10: Một nhà đầu tư đang xem xét khởi đầu một công việc kinh doanh mới. Công ty cần \$500,000 tài sản, và dự định tài trợ toàn bộ bằng vốn chủ sở hữu. Nhà đầu tư sẽ thực hiện dự án đầu tư chỉ khi ông ta nghĩ rằng công ty có thể tạo ra mức lợi nhuận trên vốn đầu tư là 15%, có nghĩa là công ty phải có ROE là 15%. Hỏi lợi nhuận ròng của công ty phải là bao nhiêu để đảm bảo khởi đầu công việc kinh doanh.

a. \$45,000

b. \$55,000

c. \$65,000

d. \$75,000

e. \$85,000

Trả lời:

Ta có

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}}$$

$$\text{hay lợi nhuận ròng của công ty là: } \text{LNST} = \text{ROE} \times \text{VCSH} = 15\% \times 500.000 = 75.000 \$$$

Tỷ số Nợ - Tìm Nợ, cho biết tỷ số D/A

Câu 11: Rolle Corp có tổng tài sản là \$500,000, công ty không sử dụng nợ, tài sản được tài trợ toàn bộ bằng vốn cổ phần thường. Giám đốc tài chính mới của công ty muốn huy động Nợ vay để tỷ số Nợ của công ty lên đến 45%, và sử dụng số tiền này để mua lại cổ phần thường với giá bằng giá trị sổ sách. Hỏi công ty phải vay bao nhiêu để đạt được mục tiêu tỷ số nợ trên?

a. \$225,000

b. \$240,000

c. \$255,000

d. \$270,000

e. \$285,000

Trả lời:

Tỷ số nợ D/A là:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\Rightarrow \text{Tổng nợ} = \text{Hệ số nợ} \times \text{Tổng tài sản} = 45\% \times 500.000 = 225.000 \$$$

Tỷ số Nợ

Câu 12: Tổng tài sản của Rull Corp là \$500,000 và tổng nợ là \$200,000. Giám đốc tài chính mới muốn sử dụng tỷ số nợ ở mức 60%. Hỏi công ty phải thêm hoặc giảm bao nhiêu vốn vay để đạt được tỷ số Nợ mục tiêu trên?

a. \$80,000

b. \$90,000

c. \$100,000

d. \$110,000

e. \$120,000

Trả lời:

Muốn tỷ số nợ ở mức 60% thì tổng nợ mà công ty phải vay là:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

$$\Rightarrow \text{Tổng nợ} = \text{Hệ số nợ} \times \text{Tổng tài sản} = 60\% \times 500.000 = 300.000 \$$$

$$\text{Vay công ty phải vay thêm: } 300.000 - 200.000 = 100.000 \$$$

EPS, DPS, và Tỷ lệ chi trả

Câu 13: Lợi nhuận ròng của Collins Inc năm gần nhất là \$1 tỷ, và công ty hiện có 200,000,000 cổ phiếu đang lưu hành. Công ty muốn chi trả 40% lợi nhuận. Hỏi cổ tức 1 cổ phiếu mà công ty công bố là bao nhiêu?

a. \$1.60

b. \$1.70

c. \$1.80

d. \$1.90

e. \$2.00

Trả lời:

$$\text{Số lợi nhuận công ty dự định chi trả cổ tức là: } = 1.000.000.000 \times 40\% = 400.000.000 \$$$

Cổ tức 1 cổ phiếu mà công ty công bố là:

$$\text{EPS} = \frac{400.000.000}{200.000.000} = 2 \$$$

EPS, BV, và tỷ số Nợ

Câu 14: EPS năm gần nhất của Cooper Inc là \$4.00, giá trị sổ sách 1 cổ phiếu là \$20, công ty có 200,000 cổ phiếu đang lưu hành, và tỷ số Nợ là 40%. Hỏi tổng Nợ của công ty là bao nhiêu?

a. \$2,333,333

b. \$2,666,667

c. \$3,000,000

d. \$3,333,333

e. \$3,666,667

Trả lời:

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu:

$$\text{BV} = \frac{\text{VCSH}}{\text{Số cổ phiếu lưu hành}}$$

$$\Rightarrow \text{VCSH} = \text{BV} \times \text{Số cổ phiếu lưu hành} = 20 \times 200.000 = 4.000.000 \$$$

Tỷ số nợ:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng nợ} + \text{VCSH}}$$

$$40\% = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng nợ} + 4.000.000}$$

$$\Rightarrow \text{Tổng nợ} = 2.666.667 \$$$

Câu này dữ kiện EPS không hề dùng đến

Tác động của việc giảm DSO đến lợi nhuận ròng

Câu 15: Kirby Industries có doanh thu là \$110,000 và các khoản phải thu là \$12,500, và công ty cho các khách hàng mua chịu trung bình là 30 ngày. DSO trung bình ngành là 25.5 ngày, tính trên cơ sở 1 năm có 365 ngày. Nếu công ty thay đổi chính sách tín dụng và thu tiền để giảm DSO xuống bằng mức trung bình ngành, và nếu công ty kiếm được 9.9% thu nhập từ lượng tiền thu hồi sớm từ việc thay đổi chính sách này, thì nó sẽ tác động thế nào đến lợi nhuận ròng, giả sử các yếu tố khác không đổi?

a. \$422.12

b. \$435.43

c. \$447.86

d. \$457.43

e. \$476.69

Trả lời:

Để kỳ thu tiền bình quân DSO bằng mức trung bình ngành là 25,5 ngày thì:

$$DSO = \frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{365}{DSO} = \frac{365}{25,5} = 14,31373$$

Ta có

$$\text{Vòng quay khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Phải thu bình quân}}$$

$$\text{Khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}} = \frac{110.000}{14,31373} = 7.684,9291 \$$$

Lợi nhuận ròng sau khi đưa DSO về mức trung bình ngành là:

$$= (12.500 - 7.684,9290) \times 9,9\% = 476,69 \$$$

Số ngày thu tiền (DSO)

Câu 16: Rangala Corp bán hàng với điều kiện cho phép khách hàng mua chịu trong vòng 30 ngày. Doanh thu năm ngoái là \$450,000, các khoản phải thu tại thời điểm cuối năm là \$45,000. Nếu DSO của công ty thấp hơn thời hạn tín dụng 30 ngày, thì khách hàng đang trả nợ đúng thời hạn. Ngược lại, nghĩa là khách hàng đang trả nợ chậm. Khách hàng trả nợ sớm/muộn bao lâu? Trả lời câu hỏi dựa trên phương trình sau: DSO - thời hạn tín dụng = Số ngày sớm/muộn, giả sử 1 năm có 365 ngày. Nếu giá trị dương là khách hàng đang thanh toán chậm.

a. 6.50

b. 6.75

c. 7.00

d. 7.25

e. 7.50

Trả lời:

Kỳ thu tiền bình quân của công ty:

$$DSO = \frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}} = \frac{\text{Nợ phải thu}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 365 = \frac{45.000}{450.000} \times 365 = 36,5 \text{ ngày}$$

$$\text{Số ngày sớm/muộn} = DSO - \text{thời hạn tín dụng} = 36,5 - 30 = 6,5 \text{ ngày}$$

Câu 17. Doanh thu của Regan Corp năm ngoái là \$450,000, các khoản phải thu cuối năm là \$45,000. Trung bình, các khách hàng của Regan thanh toán chậm 10 ngày (và vì vậy họ phải chịu phạt). Hỏi số ngày được hưởng tín dụng miễn phí mà Regan cung cấp cho khách hàng trước khi họ thanh toán chậm và phải chịu phạt? Tính toán dựa vào công thức: DSO - Số ngày thanh toán chậm trung bình = Số ngày tín dụng miễn phí, giả sử 1 năm có 365 ngày và làm tròn số đến ngày.

a. 23 ngày

b. 25 ngày

c. 27 ngày

d. 29 ngày

e. 31 ngày

Trả lời:

Kỳ thu tiền bình quân của công ty:

$$DSO = \frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}} = \frac{\text{Nợ phải thu}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 365 = \frac{45.000}{450.000} \times 365 = 36,5 \text{ ngày}$$

Số ngày tín dụng miễn phí = DSO – Số ngày thanh toán chậm trung bình = 36,5 – 10 = 26,5 ngày và làm tròn là 27 ngày

Tỷ số vòng quay tổng tài sản (TATO)

Câu 18: Doanh thu năm ngoái của Rangoon Corp là \$400,000, và tổng tài sản tại thời điểm cuối năm là \$300,000. Tỷ số vòng quay tổng tài sản trung bình ngành là 2.5. Giám đốc tài chính mới của công ty tin rằng công ty đang dư thừa tài sản có thể bán và làm giảm TATO của công ty xuống mức trung bình ngành mà không phải tác động đến doanh thu. Lượng tài sản cần giảm xuống là bao nhiêu để kéo TATO của công ty bằng mức trung bình ngành?

a. \$100,000

b. \$110,000

c. \$120,000

d. \$130,000

e. \$140,000

Trả lời:

Vòng quay tổng tài sản:

$$TATO = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng TS bình quân}}$$

$$\text{Tổng tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{TATO} = \frac{400.000}{2.5} = 160.000 \$$$

Để giảm TATO xuống mức trung bình ngành và không làm thay đổi doanh thu thuần thì tổng tài sản phải bán đi là:

$$= 300.000 - 160.000 = 140.000 \$$$

Tối đa tỷ số nợ trong mối quan hệ với TIE cho trước

Câu 19: Một công ty mới đang phát triển kế hoạch kinh doanh của mình. Công ty cần lượng tài sản là \$600,000, và công ty dự kiến tạo ra \$435,000 doanh thu và \$350,000 chi phí hoạt động năm đầu tiên. Công ty tương đối chắc chắn về các con số này dựa trên cơ sở các hợp đồng đã ký với khách hàng và các nhà cung cấp. Công ty có thể vay nợ ở mức lãi suất 7.5%, nhưng ngân hàng yêu cầu công ty phải có TIE tối thiểu là 4.0, và nếu TIE của công ty giảm xuống dưới mức ngân hàng yêu cầu ngân hàng sẽ đòi lại các khoản cho vay và công ty sẽ phá sản. Hỏi tỷ số Nợ lớn nhất mà công ty có thể sử dụng là bao nhiêu? (Hướng dẫn: Tìm số lãi vay lớn nhất, sau đó tìm số Nợ tạo ra số lãi vay đó, và cuối cùng là tỷ số Nợ)

a. 46.1%

b. 47.2 %

- c. 48.6%
- d. 50.5%
- e. 51.9%

Trả lời:

$$TIE = \frac{EBIT}{\text{Chi phí trả lãi vay}}$$

Đề TIE tối thiểu là 4.0 $\Rightarrow TIE \geq 4$

$$\frac{EBIT}{\text{Chi phí trả lãi vay}} \geq 4$$

$$\frac{435.000 - 350.000}{\text{Chi phí trả lãi vay}} \geq 4$$

\Rightarrow chi phí trả lãi vay ≤ 21.250 \$

\Rightarrow gốc vay $\times 7,5\% \leq 21.250$

\Rightarrow gốc vay ≤ 283.333 \$ (1)

Hệ số nợ:

$$\text{Hệ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Tổng nợ}}{600.000}$$

Tổng nợ = 600.000 \times hệ số nợ

(1) tương đương với: 600.000 \times hệ số nợ ≤ 283.333

\Rightarrow hệ số nợ $\leq 47,22\%$

Doanh lợi doanh thu và ROE

Câu 20: Burger Corp có tổng tài sản là \$500,000, và tài sản của công ty được tài trợ toàn bộ bằng vốn cổ phần (Nợ = 0). Doanh thu năm ngoái là \$600,000 và lợi nhuận ròng sau thuế là \$25,000. Các cổ đông vừa bỏ phiếu cho ban quản lý mới, những người đã hứa sẽ làm giảm chi phí và tăng ROE của công ty lên 15%. Hỏi doanh lợi doanh thu của Burger cần là bao nhiêu để đạt được ROE là 15% trong khi các yếu tố khác không đổi?

- a. 8.00%
- b. 9.50%
- c. 11.00%
- d. 12.50%**
- e. 14.00%

Trả lời:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH}$$

$$LNST = ROE \times VCSH = 15\% \times 500.000 = 75.000$$

Doanh lợi doanh thu của Burger là:

$$PM = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} = \frac{75.000}{600.000} = 12,5\%$$

Khả năng thanh toán và hàng tồn kho

Câu 21: Iken Berry Farms có tài sản ngắn hạn là \$5 triệu, \$3 triệu nợ ngắn hạn, mức hàng tồn kho ban đầu là \$1 triệu. Kế hoạch của công ty là tăng hàng tồn kho, tài trợ bằng nợ ngắn hạn (giấy nợ phải trả). Giả sử rằng giá trị của các tài sản ngắn hạn còn lại không thay đổi. Điều khoản trái phiếu của công ty yêu cầu tỷ số thanh toán ngắn hạn của công ty phải ≥ 1.5 . Hỏi lượng hàng tồn kho có thể mua mà không làm điều khoản trên bị phá vỡ?

a. \$0.50 triệu

b. \$1.00 triệu

c. \$1.33 triệu

d. \$1.66 triệu

e. \$2.33 triệu

Trả lời:

Số nợ ngắn hạn có thể vay thêm để tỷ số thanh toán ngắn hạn $\geq 1,5$ là ΔHTK

$$CR = \frac{TSNH}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{5 + \Delta HTK}{3 + \Delta HTK} \geq 1,5$$

$$\Rightarrow \Delta HTK \leq 1 \text{ triệu \$}$$

Mô hình Dupont: tác động của giảm tài sản lên ROE

Câu 22: Năm ngoái Southern Chemical có doanh thu \$200,000, tổng tài sản là \$125,000, lợi nhuận biên là 5.15% và hệ số nhân vốn chủ sở hữu là 1.85. Giám đốc tài chính tin rằng công ty có thể giảm tài sản xuống bớt \$25,000 mà không ảnh hưởng tới doanh thu hoặc chi phí. Hỏi công ty có thể giảm lượng tài sản đó không và tỷ số nợ, doanh thu, chi phí có thể không thay đổi không, ROE thay đổi bao nhiêu?

a. 2.75%

b. 3.03%

c. 3.81%

d. 4.11%

e. 4.37%

Trả lời:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

$$ROE = 5,15\% \times \frac{200.000}{125.000} \times 1,85 = 15,244\%$$

$$\text{Hệ số nhân VCSH} = \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

Khi đó

$$\text{VCSH} = \frac{\text{Tổng TS}}{\text{Hệ số nhân VCSH}} = \frac{125.000}{1,85} = 67.567,568 \$$$

Khi giảm tài sản xuống bớt 25.000\$ thì ta có ROE mới với doanh thu, chi phí và hệ số nhân VCSH không đổi.

$$\text{ROE}' = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = 5,15\% \times \frac{200.000}{125.000 - 25.000} \times 1,85 = 19,055 \%$$

$$\text{Vậy ROE tăng thêm:} = \text{ROE}' - \text{ROE} = 19,055\% - 15,244\% = 3,811 \%$$

Câu này mặc dù ra kết quả trùng đáp án nhưng không đồng tình với việc giữ nguyên hệ số nhân VCSH khi mà lượng Tài sản thay đổi. Nếu lượng TS thay đổi thì phải làm thay đổi hệ số nhân chứ.

Câu 23: Trong năm gần đây nhất Ruth Corp có doanh thu là \$300,000 và lợi nhuận ròng là \$20,000, tổng tài sản cuối năm ngoái là \$200,000. Tỷ số Nợ/TS của công ty là 40%. Dựa vào mô hình Dupont, ROE của công ty là?

- a. 15.33%
- b. 15.67%
- c. 16.00%
- d. 16.33%

e. 16.67%

Trả lời:

$$\text{VCSH} = \text{Tổng tài sản} \times 60\% = 200.000 \times 60\% = 120.000 \$$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{20.000}{120.000} = 16,67\%$$

Mô hình Dupont: tác động của việc giảm chi phí tới ROE

Câu 24: Năm ngoái Oliver có vòng quay tổng tài sản là 1.60 và hệ số nhân vốn chủ sở hữu là 1.85. Doanh thu là \$200,000 và lợi nhuận ròng là \$10,000. Giám đốc tài chính của công ty tin rằng, công ty có thể hoạt động hiệu quả hơn, chi phí thấp hơn, và tăng lợi nhuận ròng thêm \$5,000 mà không cần thay đổi doanh thu, tài sản và cấu trúc tài chính. Hỏi công ty có thể cắt giảm chi phí và tăng lợi nhuận ròng thêm \$5,000, ROE thay đổi thế nào?

- a. 7.20%
- b. 7.40%**
- c. 7.60%
- d. 7.80%
- e. 8.00%

Trả lời:

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{\text{LNST}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{\text{VCSH}}$$

$$\text{ROE} = \frac{10.000}{200.000} \times 1,6 \times 1,85 = 14,8 \%$$

Khi lợi nhuận ròng tăng thêm 5.000\$, các yếu tố khác không đổi:

$$ROE' = \frac{10.000 + 5.000}{200.000} \times 1,6 \times 1,85 = 22,2 \%$$

Lượng ROE thay đổi là: $= ROE' - ROE = 22,2\% - 14,8\% = 7,4\%$

Giảm tài sản để tăng vòng quay tổng tài sản và ROE

Câu 25: Năm ngoái Bell Corp có tổng tài sản \$200,000, doanh thu \$300,000, lợi nhuận ròng \$20,000 và tỷ số Nợ/Tổng TS là 40%. Giám đốc tài chính mới của công ty tin rằng công ty đang dư thừa tài sản cố định và hàng tồn kho có thể bán bớt để giảm tổng tài sản xuống \$150,000. Doanh thu, chi phí, và lợi nhuận ròng sẽ không bị ảnh hưởng, và công ty sẽ duy trì tỷ số nợ là 40%. ROE của công ty được cải thiện bao nhiêu từ việc giảm tài sản?

- a. 4.66%
- b. 4.96%
- c. 5.26%
- d. 5.56%**
- e. 5.86%

Trả lời:

$$VCSH = \text{Tổng tài sản} \times 60\% = 200.000 \times 60\% = 120.000 \$$$

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{20.000}{120.000} = 16,667\%$$

Khi bán bớt TSCĐ và hàng tồn kho thì:

$$ROE' = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

$$ROE' = \frac{20.000}{300.000} \times \frac{300.000}{150.000} \times \frac{1}{60\%} = 22,222\%$$

$$ROE \text{ sẽ tăng thêm} = 22,222\% - 16,667\% = 5,555\%$$

Tác động của việc giảm chi phí đến ROE

Câu 26: Năm ngoái, Candle Corp có tổng tài sản là \$200,000, doanh thu là \$300,000, lợi nhuận ròng là \$20,000, và tỷ số Nợ/TS là 40%. Giám đốc tài chính mới của công ty tin rằng chương trình máy tính mới sẽ có thể giảm chi phí và vì vậy tăng lợi nhuận ròng lên \$30,000. Tổng tài sản, doanh thu và tỷ số Nợ không bị ảnh hưởng. Việc giảm chi phí sẽ cải thiện ROE thế nào?

- a. 8.33%**
- b. 8.67%
- c. 9.00%
- d. 9.33%
- e. 9.67%

Trả lời:

$$VCSH = \text{Tổng tài sản} \times 60\% = 200.000 \times 60\% = 120.000 \$$$

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{20.000}{120.000} = 16,667\%$$

Khi lợi nhuận ròng lên 30.000\$, thì:

$$ROE' = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

$$ROE' = \frac{30.000}{300.000} \times \frac{300.000}{200.000} \times \frac{1}{60\%} = 25\%$$

$$ROE \text{ tăng thêm một lượng: } = 25\% - 16,667\% = 8,333\%$$

Mô hình Dupont: thay đổi tỷ số Nợ

Câu 27: Năm ngoái Chantler Corp, có \$200,000 tổng tài sản, lợi nhuận ròng \$20,000, và tỷ số Nợ/TS là 30%. Bây giờ, giả định rằng giám đốc tài chính mới của công ty thuyết phục giám đốc tăng tỷ số nợ lên 45%. Doanh thu và tổng tài sản sẽ không bị ảnh hưởng, nhưng chi phí lãi vay tăng lên. Tuy nhiên, Giám đốc tài chính tin rằng việc quản lý tốt chi phí có thể bù đắp được chi phí lãi vay tăng lên và giữ cho lợi nhuận ròng không thay đổi. Sự thay đổi trong cấu trúc tài chính làm tăng ROE thêm bao nhiêu?

- a. 3.51%
- b. 3.68%
- c. 3.90%**
- d. 4.13%
- e. 4.47%

Trả lời:

$$VCSH = \text{Tổng tài sản} \times 70\% = 200.000 \times 70\% = 140.000 \$$$

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{20.000}{140.000} = 14,286\%$$

Khi tăng tỷ số nợ lên 45% thì ROE sẽ là:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{20.000}{200.000} \times \frac{1}{55\%} = 18,182\%$$

$$ROE \text{ tăng thêm một lượng: } = ROE' - ROE = 18,182\% - 14,286\% = 3,896\%$$

ROE thay đổi với tỷ số nợ

Câu 28: Năm ngoái Charter Corp có doanh thu \$300,000, chi phí hoạt động là \$265,000 và tổng tài sản ở thời điểm cuối năm là \$200,000. Tỷ số Nợ/ tổng tài sản là 25%, lãi suất vay vốn là 10%, thuế suất thuế thu nhập công ty là 35%. Giám đốc tài chính mới muốn thấy ROE thay đổi thế nào nếu công ty sử dụng tỷ số nợ là 60%. Giả định rằng doanh thu và tổng tài sản không bị ảnh hưởng, và lãi suất và thuế suất thuế thu nhập không đổi. ROE thay đổi bao nhiêu khi cơ cấu vốn thay đổi?

- a. 5.01%
- b. 5.20%

c. 5.35%

d. 5.57%

e. 5.69%

Trả lời:

$$\text{VCSH} = \text{Tổng tài sản} \times 75\% = 200.000 \times 75\% = 150.000 \$$$

Giả sử toàn bộ nợ là vay với lãi suất là 10%

$$\text{Chi phí lãi vay} = 200.000 \times 25\% \times 10\% = 5.000 \$$$

$$\text{LNST} = (300.000 - 265.000 - 5.000) \times 65\% = 19.500 \$$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{19.500}{150.000} = 13\%$$

Khi tỷ số nợ là 60% thì chi phí lãi vay sẽ là:

$$\text{Chi phí lãi vay mới} = 200.000 \times 60\% \times 10\% = 12.000 \$$$

$$\text{LNST mới} = (300.000 - 265.000 - 12.000) \times 65\% = 14.950 \$$$

$$\text{ROE}' = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{14.950}{150.000} = 9,967\%$$

$$\text{ROE thay đổi một lượng} = \text{ROE}' - \text{ROE} = 9,967\% - 13\% = -3,033\% \Rightarrow \text{ko trùng kết quả}$$

Cách hiểu khác: (cách hiểu này hơi tiêu cực vì như thế là làm giảm VCSH, mà chả có cha nào lại giảm VCSH bao giờ cả => chán)

$$\text{Khi tỷ số nợ là 60\% nghĩa là: VCSH} = 200.000 \times 40\% = 80.000 \$$$

$$\text{LNST} = (300.000 - 265.000 - 200.000 \times 60\% \times 10\%) \times 65\% = 14.950 \$$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{14.950}{80.000} = 18,69\%$$

$$\text{ROE tăng thêm một lượng:} = \text{ROE}' - \text{ROE} = 18,69\% - 13\% = 5,69\%$$

TIE: Lượng nợ tối đa ràng buộc bởi TIE

Câu 29: Cooper Inc dự kiến doanh thu năm tới là \$300,000 và chi phí hoạt động là \$270,000. Công ty sẽ có tài sản là \$200,000 và dự án hiện tại sẽ được tài trợ bởi 30% Nợ và 70% vốn chủ sở hữu. Lãi suất vay vốn là 10%, nhưng tỷ số TIE phải được giữ tối thiểu là 4.0. Thuế suất thuế thu nhập công ty là 40%. Giám đốc tài chính mới của công ty muốn xem ROE thay đổi như thế nào nếu công ty tăng tỷ số Nợ lên tối đa nhưng vẫn giữ TIE theo yêu cầu. Giả định rằng doanh thu, chi phí hoạt động, tài sản, lãi suất và thuế suất không đổi. ROE thay đổi bao nhiêu khi cơ cấu vốn thay đổi?

a. 0.33%

b. 0.51%

c. 0.82%

d. 1.17%

e. 1.39%

Trả lời:

$$\text{Chi phí lãi vay} = 200.000 \times 30\% \times 10\% = 6.000 \$$$

$$\text{LNST} = (300.000 - 270.000 - 6.000) \times 60\% = 14.400 \$$$

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{14.400}{200.000 \times 70\%} = 10,286\%$$

Để TIE tối thiểu là 4 thì:

$$\text{TIE} = \frac{\text{EBIT}}{\text{Lãi vay}} = \frac{300.000 - 270.000}{\text{Nợ vay} \times 10\%} \geq 4$$

$$\Rightarrow \text{Nợ vay} \leq 75.000 \$$$

$$\text{LNST} = (300.000 - 270.000 - 75.000 \times 10\%) \times 60\% = 13.500 \$$$

$$\text{ROE}' = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{13.500}{200.000 - 75.000} = 10,8\%$$

$$\text{ROE tăng thêm một lượng} = \text{ROE}' - \text{ROE} = 10,8\% - 19,286\% = 0,514\%$$

DSO và tác động của nó lên lợi nhuận ròng

Câu 30: Ingram Inc có bảng cân đối kế toán như sau:

Tiền	\$10,000	Khoản phải trả	\$30,000
Khoản phải thu	50,000	Nợ ngắn hạn khác	20,000
Hàng tồn kho	150,000	Nợ dài hạn	50,000
TSCĐ ròng	90,000	Vốn cổ phần thường	200,000
Tổng TS	\$300,000	Tổng Nợ và vốn cổ phần	\$300,000

Năm ngoái công ty có \$15,000 lợi nhuận ròng trên \$200,000 doanh thu. Tuy nhiên, giám đốc tài chính mới tin rằng hàng tồn kho đang dư thừa và có thể giảm bớt để làm cho tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn xuống bằng mức trung bình ngành là 2.5, mà không ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận ròng. Giả định hàng tồn kho được thanh lý và giữ nguyên nhằm đạt được tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 2.5, và số tiền được tạo ra được sử dụng để mua lại cổ phiếu thường ở giá trị ghi sổ, các yếu tố khác không đổi. ROE thay đổi bao nhiêu?

a. 4.70%

b. 4.96%

c. 5.28%

d. 5.54%

e. 5.91%

Trả lời:

$$\text{ROE} = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{15.000}{200.000} = 7,5\%$$

Để tỷ số thanh toán bằng mức trung bình của ngành thì:

$$\text{CR} = \frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{\text{TSNH}}{30.000 + 20.000} = 2,5$$

$$\Rightarrow \text{TSNH} = 125.000 \$$$

$$\text{Lượng HTK bán đi là:} = (150.000 + 50.000 + 10.000) - 125.000 = 85.000 \$$$

Vì lượng tiền này dùng để mua lại cổ phần của công ty, tức là giảm VCSH đúng một lượng là 85.000 \$. Khi đó VCSH còn lại là:

$$= 200.000 - 85.000 = 115.000 \$$$

Vì LNST không đổi nên ROE mới sẽ là:

$$\text{ROE}' = \frac{\text{LNST}}{\text{VCSH}} = \frac{15.000}{115.000} = 13,04\%$$

ROE tăng lên một lượng là:

$$= \text{ROE}' - \text{ROE} = 13,04\% - 7,5\% = 5,54\%$$

Câu 31: Các yếu tố khác không đổi, hành động nào sau đây sẽ làm tăng tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn?

a. Tăng khoản phải thu

b. Tăng khoản phải trả

c. Tăng tài sản cố định ròng

d. Tăng giấy nợ phải trả

e. Tăng các khoản nợ tích lũy

Trả lời:

$$\text{Tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn (CR)} = \frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khi các yếu tố khác không đổi thì tăng khoản phải thu sẽ làm tăng TSNH \Rightarrow tăng CR

Câu 32: Nếu CEO của công ty muốn đánh giá giám đốc các chi nhánh sau 1 đợt tập huấn (ví dụ xếp hạng các giám đốc chi nhánh), tình huống nào sau đây có thể làm cho các giám đốc chi nhánh được xếp hạng cao hơn? Trong mọi trường hợp, giả định các yếu tố khác không đổi.

a. Vòng quay tổng tài sản của chi nhánh thấp hơn mức trung bình của các công ty trong ngành.

b. DSO (kỳ thu tiền) của chi nhánh là 40, trong khi trung bình ngành là 30

c. Vòng quay hàng tồn kho của chi nhánh là 6, trong khi trung bình ngành là 8

d. Tỷ số nợ của chi nhánh cao hơn mức trung bình của các công ty trong ngành

e. Khả năng sinh lời cơ bản của tài sản của chi nhánh cao hơn mức trung bình của các công ty trong ngành

Trả lời:

Vì khả năng sinh lời cơ bản của tài sản phản ánh khả năng sinh lời của mỗi đồng tài sản, do đó tỷ số này càng cao càng phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của chi nhánh là tốt. Nên khi ROA của chi nhánh lớn hơn mức trung bình ngành thì có thể coi như một chỉ tiêu để xếp hạng các chi nhánh.

4 chỉ tiêu còn lại ở câu a, b, c, d đều không phản ánh được khả năng sinh lời hay hiệu quả sử dụng vốn cũng như đầu tư vốn của chi nhánh, nên không thể coi như là chỉ tiêu để xếp hạng các chi nhánh cũng như xếp hạng các giám đốc chi nhánh.

Câu 33: Câu nào dưới đây là đúng?

a. “Window dressing – làm đẹp báo cáo tài chính” là hành động làm tăng vị thế cơ bản của doanh nghiệp trong dài hạn và vì thế làm tăng giá trị thực của doanh nghiệp

b. Sử dụng một phần tiền của doanh nghiệp để giảm nợ vay dài hạn là ví dụ về “Window dressing”

c. Vay ngắn hạn và sử dụng để trả các khoản vay dài hạn đến hạn trả là ví dụ về “Window dressing”.

d. Chiết khấu cho khách hàng trả tiền ngay khi mua hàng và sử dụng số tiền thu được nhanh đó để mua hàng tồn kho là ví dụ về “Window dressing”.

e. Vay dài hạn và sử dụng số tiền thu được để thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn trả là ví dụ về “Window dressing”.

Trả lời:

Vì “window dressing” nghĩa là misrepresentation, hay còn gọi là dùng thủ thuật kế toán để làm đẹp Báo cáo tài chính tại thời điểm lập BCTC, đồng thời còn làm đẹp các chỉ số tài chính mà chỉ có nội bộ nhà điều hành công ty biết với nhau. Hoặc đáo hạn nợ.

Trong trường hợp này khi các khoản nợ dài hạn đến hạn trả mà doanh nghiệp không có đủ tiền để trả thì sẽ sử dụng các khoản vay ngắn hạn để trả nợ cho các khoản vay dài hạn đến hạn trả với mục đích đáo hạn nợ.

Đọc bài viết này sẽ hiểu nhiều hơn về Window Dressing:

<http://kinhtetaichinh.blogspot.com/2010/03/repo-105.html>

Definition of 'Window Dressing'

A strategy used by mutual fund and portfolio managers near the year or quarter end to improve the appearance of the portfolio/fund performance before presenting it to clients or shareholders. To window dress, the fund manager will sell stocks with large losses and purchase high flying stocks near the end of the quarter. These securities are then reported as part of the fund's holdings.

Investopedia explains 'Window Dressing'

Performance reports and a list of the holdings in a mutual fund are usually sent to clients every quarter. Another variation of window dressing is investing in stocks that don't meet the style of the mutual fund. For example, a precious metals fund might invest in stocks that are in a hot sector at the time, disguising the fund's holdings, so clients really have no idea what they are paying for.

Window dressing may make a fund appear more attractive, but you can't hide poor performance for long.

Other definition:

1. The deceptive practice of some mutual funds, in which recently weak stocks are sold and recently strong stocks are bought just before the fund's holdings are made public, in order to give the appearance that they've been holding good stocks all along.

2. The deceptive practice of using accounting tricks to make a company's balance sheet and income statement appear better than they really are.

Other definition:

What is the window dressing?

Window dressing is presenting company accounts in a manner which enhances the financial position of the company.

It is a form of creative accounting involving the manipulation of figures to flatter the financial position of the business.

The focus of the window dressing:

- Liquidity – hiding a deteriorating liquidity position.
- Profitability – massaging profit figures.

Câu 34: Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ số vòng quay hàng tồn kho giảm thì ROE sẽ tăng
- b. Nếu một doanh nghiệp tăng doanh thu trong khi hàng tồn kho không đổi, các yếu tố khác không đổi, tỷ số vòng quay hàng tồn kho sẽ giảm
- c. Sự giảm xuống của hàng tồn kho sẽ không ảnh hưởng tới tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn
- d. Sự tăng lên của hàng tồn kho sẽ không ảnh hưởng tới tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn
- e. Nếu một công ty tăng doanh thu trong khi hàng tồn kho không đổi thì, các yếu tố khác không đổi, tỷ số vòng quay hàng tồn kho sẽ tăng.**

Trả lời:

$$\text{Vòng quay HTK} = \frac{\text{GVHB}}{\text{HTK bình quân}}$$

Vì HTK không đổi, nên nếu doanh thu tăng thì sẽ làm cho giá vốn hàng bán tăng \Rightarrow vòng quay hàng tồn kho tăng.

(lưu ý: trong một số trường hợp, khi doanh thu tăng chưa chắc đã dẫn tới tăng giá vốn hàng bán, vì còn phụ thuộc vào phương pháp tính giá vốn hàng tồn kho và ảnh hưởng của thị trường như hàng khan hiếm dẫn tới độ giá ...)

Câu 35: Công ty J và công ty K đều công bố mức EPS bằng nhau, nhưng cổ phiếu của công ty J có giá thị trường cao hơn. Câu nào sau đây là đúng?

- a. Công ty J có P/E cao hơn**
- b. Công ty J phải có M/B cao hơn
- c. Công ty J phải có mức độ rủi ro hơn
- d. Công ty J có ít cơ hội tăng trưởng hơn
- e. Công ty J phải trả cổ tức thấp hơn

Trả lời:

$$P/E = \frac{\text{Giá trị trường của cổ phiếu}}{\text{EPS}}$$

Vì EPS của 2 công ty là như nhau và cổ phiếu J có giá thị trường cao hơn nên P/E của J sẽ cao hơn K

Câu 36: Maple Furniture vừa phát hành thêm cổ phiếu thường mới và sử dụng số tiền thu được để thanh toán một số giấy nợ ngắn hạn. Hành động này không ảnh hưởng tới tổng tài sản và lợi

nhuận hoạt động của công ty. Những tác động nào dưới đây có thể xuất hiện như là hệ quả của hành động này?

- a. Hệ số nhân vốn chủ sở hữu của công ty tăng
- b. Tỷ số khả năng sinh lời cơ bản của công ty tăng
- c. Tỷ số TIE giảm xuống
- d. Tỷ số Nợ của công ty tăng lên

e. Tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng lên

Trả lời:

$$\text{Khả năng thanh toán ngắn hạn (CR)} = \frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Do TSNH không đổi nên khi nợ ngắn hạn giảm \Rightarrow tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng

Câu 37: Câu nào dưới đây là đúng?

a. Một công ty sử dụng đòn bẩy tài chính sẽ có số nhân vốn chủ sở hữu cao hơn một công ty không sử dụng nợ

- b. Đối với các nhà đầu tư, tài trợ bằng trái phiếu tốt hơn tài trợ bằng cổ phiếu bởi thu nhập từ trái phiếu bị tính thuế thấp hơn là thu nhập từ cổ phiếu
- c. Các yếu tố khác không đổi, việc tài trợ bằng nợ có xu hướng làm tỷ số khả năng sinh lời cơ bản thấp hơn
- d. Các yếu tố khác không đổi, tăng tỷ số nợ sẽ làm tăng ROA
- e. Nếu hai công ty có doanh thu, chi phí lãi vay, chi phí hoạt động và tổng tài sản, nhưng có phương thức tài trợ khác nhau, thì công ty có nợ ít hơn sẽ có ROE cao hơn

Trả lời:

$$\text{Số nhân VCHS} = \frac{\text{Tổng TS}}{\text{VCSH}}$$

Hệ số nhân VCSH phản ánh mức độ huy động vốn từ bên ngoài doanh nghiệp. Do đó khi 2 công ty có cùng VCSH thì công ty nào sử dụng đòn bẩy tài chính nhiều hơn thì sẽ có số nhân VCSH cao hơn.

Câu 38: Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Nếu một công ty tăng doanh thu trong khi giữ các khoản phải thu không đổi, thì các yếu tố khác không đổi, kỳ thu tiền (DSO) sẽ tăng
- b. Nếu một công ty tăng doanh thu trong khi các khoản phải thu không đổi, các yếu tố khác không đổi, kỳ thu tiền (DSO) sẽ giảm**
- c. Sự giảm xuống của các khoản phải thu sẽ không ảnh hưởng tới tỷ số thanh toán ngắn hạn, nhưng nó có thể làm tỷ số thanh toán nhanh tăng

d. Nếu một nhà phân tích chứng khoán thấy kỳ thu tiền của một công ty đang tăng và cao hơn mức trung bình ngành và cũng có xu hướng tăng cao hơn, điều này có thể coi là dấu hiệu của sức mạnh tài chính

e. Không có mối tương quan nào giữa số ngày bán hàng (DSO) và kỳ thu tiền bình quân (ACP). Các tỷ số này đo lường các khả năng khác nhau

Trả lời:

Kỳ thu tiền bình quân:

$$DSO = \frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}} = \frac{\text{Phải thu bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 365$$

Khi các yếu tố khác không đổi mà doanh thu tăng \Rightarrow DSO giảm

Câu 39: Nelson Automotive đang xem xét phát hành cổ phiếu mới và sử dụng số tiền thu được để trả các khoản nợ của công ty. Việc phát hành cổ phiếu mới không ảnh hưởng gì tới tổng tài sản, lãi suất Nelson phải trả, EBIT hoặc thuế suất thuế công ty. Điều gì dưới đây có thể xảy ra nếu công ty tiến hành phát hành cổ phiếu?

a. Lợi nhuận ròng sẽ giảm

b. Tỷ số TIE sẽ giảm

c. ROA sẽ giảm

d. Thuế phải nộp sẽ tăng

e. Thu nhập chịu thuế sẽ giảm

Trả lời:

Vì nợ của công ty giảm \Rightarrow lãi vay giảm. Mà EBIT không đổi \Rightarrow Thu nhập chịu thuế tăng \Rightarrow thuế phải nộp sẽ tăng.

Câu 40: Công ty HD và LD có khả năng sinh lời, và cả hai đều có cùng tổng tài sản (TA), doanh thu (S), doanh lợi tổng tài sản (ROA) và lợi nhuận biên (PM). Tuy nhiên, công ty HD có tỷ số nợ cao hơn. Câu nào dưới đây là đúng?

a. Công ty HD có ROE cao hơn công ty LD

b. Công ty HD có vòng quay tổng tài sản thấp công ty LD

c. Công ty HD có lợi nhuận hoạt động (EBIT) thấp hơn công ty LD

d. Công ty HD có hệ số nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn công ty LD

e. Công ty HD có vòng quay tài sản cố định cao hơn công ty LD

Trả lời:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

Hay

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{Doanh thu} \times \frac{Doanh thu}{Tổng TS} \times \frac{1}{1 - D/A}$$

Vì các yếu tố khác không đổi. Mặt khác tỷ số nợ D/A của HD cao hơn LD \Rightarrow ROE của HD sẽ lớn hơn LD.

Câu 41: Công ty Van Buren có tỷ số thanh toán ngắn hạn là 1.9. Xem xét một cách độc lập, hành động nào dưới đây làm GIẢM tỷ số thanh toán ngắn hạn của công ty?

- a. Sử dụng tiền để trả bớt các giấy nợ ngắn hạn phải trả
- b. Sử dụng tiền để trả bớt các khoản phải trả

c. Vay ngắn hạn bằng các giấy nợ ngắn hạn và sử dụng số tiền thu được để trả bớt các khoản nợ dài hạn

- d. Vay ngắn hạn bằng các giấy nợ ngắn hạn và sử dụng số tiền thu được để trả bớt các khoản phải nộp
- e. Sử dụng tiền để trả bớt các khoản phải nộp

Trả lời:

$$\text{Current Ratio} = \frac{TSNH}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{\text{Total current assets}}{\text{Total current liabilities}}$$

Vay ngắn hạn bằng tiền và dùng tiền trả nợ dài hạn \Rightarrow Nợ ngắn hạn tăng và TSNH không đổi \Rightarrow tỷ số thanh toán ngắn hạn giảm.

Câu 42: Câu nào dưới đây là ĐÚNG?

- a. Giả sử tỷ số vòng quay tổng tài sản của công ty giảm từ 10% xuống 9%, cùng lúc đó lợi nhuận biên của công ty tăng từ 9% lên 10%, và nợ/ tổng tài sản tăng từ 40% lên 60%. Trong điều kiện này, ROE sẽ giảm

b. Giả sử tỷ số vòng quay tổng tài sản của công ty giảm từ 10% xuống 9%, cùng lúc đó lợi nhuận biên của công ty tăng từ 9% lên 10%, và nợ/ tổng tài sản tăng từ 40% lên 60%. Trong điều kiện này, ROE sẽ tăng

- c. Giả sử tỷ số vòng quay tổng tài sản của công ty giảm từ 10% xuống 9%, cùng lúc đó lợi nhuận biên của công ty tăng từ 9% lên 10%, và nợ/ tổng tài sản tăng từ 40% lên 60%. Nếu không có các thông tin bổ sung, chúng ta sẽ không thể kết luận được gì về ROE
- d. Mô hình Dupont có điều chỉnh cung cấp thông tin về các hoạt động ảnh hưởng thế nào tới ROE, nhưng mô hình này bao gồm cả các tác động của nợ lên ROE
- e. Các yếu tố khác không đổi, tỷ số nợ tăng lên sẽ dẫn đến lợi nhuận biên trên doanh thu tăng

Trả lời:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{Doanh thu} \times \frac{Doanh thu}{Tổng TS} \times \frac{Tổng TS}{VCSH}$$

Hay

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = PM \times TATO \times \frac{1}{1 - D/A}$$

Khi PM tăng một lượng bằng đúng TATO giảm, D/A tăng => ROE tăng

Hoặc chứng minh bằng con số luôn:

$$ROE_1 = \frac{LNST}{VCSH} = 9\% \times 10\% \times \frac{1}{1 - 40\%} = 1,5\%$$

$$ROE_2 = \frac{LNST}{VCSH} = 10\% \times 9\% \times \frac{1}{1 - 60\%} = 2,25\%$$

=> $ROE_2 > ROE_1$ hay ROE tăng ☺

Câu 43: Câu nào dưới đây là đúng?

a. Nếu hai công ty chỉ khác nhau về việc sử dụng nợ, ví dụ cả hai đều có tổng tài sản, doanh thu, chi phí hoạt động, lãi suất nợ vay, và thuế suất như nhau, nhưng một công ty có tỷ số nợ cao hơn, công ty sử dụng nợ nhiều hơn sẽ có doanh lợi doanh thu thấp hơn.

b. Nếu hai công ty chỉ khác nhau về việc sử dụng nợ, ví dụ cả hai đều có tổng tài sản, doanh thu, chi phí hoạt động, lãi suất nợ vay, và thuế suất như nhau, nhưng một công ty có tỷ số nợ cao hơn, công ty sử dụng nợ nhiều hơn sẽ có lợi nhuận biên trên doanh thu cao hơn

c. Việc sử dụng nợ của công ty sẽ không ảnh hưởng gì tới lợi nhuận biên trên doanh thu

d. Nếu một công ty có tỷ số nợ cao hơn công ty khác, chúng ta có thể chắc chắn rằng công ty có tỷ số nợ cao hơn sẽ có tỷ số TIE thấp hơn, vì tỷ số TIE phụ thuộc hoàn toàn vào khối lượng nợ mà công ty sử dụng

e. Tỷ số nợ do nó được tính một cách tổng quát tạo ra một sự điều chỉnh đối với việc sử dụng các tài sản thuê tài chính dưới hình thức thuê hoạt động vì thế tỷ số nợ của công ty mà tỷ lệ thuê tài chính khác nhau là vẫn có thể so sánh được

Trả lời:

Doanh lợi doanh thu :

$$PM = \frac{LNST \text{ hoặc Thu nhập ròng}}{\text{Doanh thu}}$$

Công ty sử dụng nợ nhiều hơn => lãi vay nhiều hơn (do lãi suất vay như nhau). Vì EBIT giống nhau => Thu nhập chịu thuế sẽ nhỏ hơn => LNST sẽ nhỏ hơn. Mặt khác doanh thu 2 công ty là giống nhau => Doanh lợi doanh thu công ty sử dụng nhiều nợ hơn sẽ thấp hơn.

Câu 44: Câu nào dưới đây là đúng?

a. Các yếu tố khác không đổi, DSO tăng lên có thể dẫn tới ROE tăng lên

b. Các yếu tố khác không đổi, DSO tăng lên có thể làm cho vòng quay tổng tài sản tăng lên

c. Tỷ số nợ của công ty tăng lên, doanh thu và chi phí hoạt động không đổi, có thể làm lợi nhuận biên thấp xuống

d. Tỷ số nợ dài hạn/ tổng vốn dường như biến động theo mùa vụ hơn là DSO hay vòng quay hàng tồn kho

e. Nếu hai công ty có ROA giống nhau, công ty có nợ cao hơn có thể có ROE thấp hơn

Trả lời:

$$\text{Tỷ số nợ} = \frac{\text{Tổng nợ}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Tỷ số nợ tăng lên có thể do Tổng nợ tăng \Rightarrow có thể dẫn tới lãi vay tăng. Mặt khác doanh thu, chi phí không đổi \Rightarrow có thể làm cho thu nhập chịu thuế giảm \Rightarrow có thể làm LNST giảm \Rightarrow có thể làm lợi nhuận biên thấp xuống.

Các trường hợp còn lại có thể giải thích để loại trừ đáp án \Rightarrow đáp án cuối cùng là C có khả năng đúng nhất.

Câu 45: HD Corp và LD Corp có tổng tài sản, doanh thu, lãi suất vay vốn, thuế suất, và EBIT giống nhau. Tuy nhiên, HD sử dụng nhiều nợ hơn LD. Câu nào dưới đây là đúng?

a. HD sẽ có lợi nhuận ròng trên báo cáo thu nhập cao hơn

b. HD sẽ có lợi nhuận ròng trên báo cáo thu nhập thấp hơn

c. Nếu không có thông tin bổ sung, chúng ta sẽ không thể kết luận được là liệu HD hay LD có lợi nhuận ròng cao hơn

d. HD sẽ phải trả thuế thu nhập cao hơn

e. HD sẽ có hệ số nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn trong mô hình Dupont

Trả lời:

Vì HD và LD có EBIT, thuế suất và lãi suất vay vốn là giống nhau.

Do D/A của HD lớn hơn LD \Rightarrow chi phí lãi vay của HD lớn hơn LD \Rightarrow Thu nhập trước thuế của HD nhỏ hơn LD \Rightarrow LNST của HD thấp hơn LD \Rightarrow Lợi nhuận ròng trên báo cáo thu nhập của HD sẽ thấp hơn LD.

Câu 46: Các yếu tố khác không đổi, lựa chọn nào dưới đây sẽ làm tăng dòng tiền của công ty năm nay?

a. Giảm số ngày bán hàng (DSO) mà không giảm doanh thu

b. Tăng số năm khấu hao tài sản cố định

c. Giảm số dư tài khoản phải trả

d. Giảm tỷ số vòng quay hàng tồn kho mà không ảnh hưởng tới doanh thu

e. Giảm số dư tài khoản lương phải trả

Trả lời:

Vì kỳ thu tiền bình quân:

$$\text{DSO} = \frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}} = \frac{\text{Nợ phải thu}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Vì doanh thu thuần không đổi, mà DSO giảm \Rightarrow thu hồi nợ từ khách hàng tăng \Rightarrow dòng tiền vào tăng.

Câu 47: Công ty HD và LD có cùng doanh thu, thuế suất, lãi suất vay vốn, tổng tài sản và khả năng sinh lời cơ bản. Cả hai công ty có lợi nhuận ròng dương. Công ty HD có tỷ số nợ cao hơn, và vì thế, chi phí lãi vay cao hơn. Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Công ty HD có ROA cao hơn
- b. Công ty HD có tỷ số TIE cao hơn
- c. Công ty HD có lợi nhuận ròng cao hơn
- d. Công ty HD nộp thuế ít hơn**
- e. Công ty HD có hệ số nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn

Trả lời:

Vì HD và LD có EBIT, thuế suất và lãi suất vay vốn là giống nhau.

Do D/A của HD lớn hơn LD => chi phí lãi vay của HD lớn hơn LD => Thu nhập trước thuế của HD nhỏ hơn LD => HD sẽ nộp thuế ít hơn LD.

Câu 48: Công ty HD và LD có cùng doanh thu, thuế suất, lãi suất vay vốn, tổng tài sản và khả năng sinh lời cơ bản. Cả hai công ty có lợi nhuận ròng dương. Công ty HD có tỷ số nợ cao hơn, và vì thế, chi phí lãi vay cao hơn. Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Công ty HD có ROE thấp hơn
- b. Công ty HD có tỷ số TIE thấp hơn**
- c. Công ty HD có lợi nhuận ròng cao hơn
- d. Công ty HD trả nhiều thuế hơn
- e. Công ty HD có hệ số nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn

Trả lời:

Vì khả năng sinh lời cơ bản của 2 công ty là giống nhau. Mà

$$BEP = \frac{EBIT}{\text{Tổng tài sản}}$$

Vì Tổng tài sản 2 công ty giống nhau => EBIT giống nhau.

$$TIE = \frac{EBIT}{\text{Lãi vay}}$$

Vì D/A của HD cao hơn LD => chi phí lãi vay của HD cao hơn LD => TIE của HD sẽ thấp hơn LD.

Câu 49: Bạn quan sát thấy ROE của một công ty cao hơn trung bình ngành, nhưng cả lợi nhuận biên và tỷ số nợ thấp hơn mức trung bình ngành. Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Doanh lợi tổng tài sản của công ty phải cao hơn trung bình ngành
- b. Vòng quay tổng tài sản phải cao hơn trung bình ngành

- c. Vòng quay tổng tài sản phải thấp hơn trung bình ngành
- d. Vòng quay tổng tài sản bằng trung bình ngành
- e. Doanh lợi tổng tài sản bằng trung bình ngành

Trả lời:

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = \frac{LNST}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng TS}} \times \frac{\text{Tổng TS}}{VCSH}$$

Hay

$$ROE = \frac{LNST}{VCSH} = PM \times TATO \times \frac{1}{1 - D/A}$$

Vì ROE cơ hơn trung bình ngành, lợi nhuận biên (PM) thấp hơn trung bình ngành, tỷ số nợ (D/A) thấp hơn trung bình ngành \Rightarrow TATO (vòng quay tổng tài sản) cao hơn trung bình ngành.

Câu 50: Câu nào dưới đây là đúng?

- a. Nếu hai công ty A và B có EPS và M/B giống nhau thì hai công ty phải có P/E như nhau
- b. Nếu hai công ty A và B có cùng lợi nhuận ròng, số cổ phiếu lưu hành, và giá cổ phiếu thì tỷ số M/B cũng phải giống nhau
- c. Nếu hai công ty A và B có cùng lợi nhuận ròng, số cổ phiếu lưu hành, và giá cổ phiếu thì tỷ số P/E cũng phải giống nhau**
- d. Nếu hai công ty A và B có cùng tỷ số P/E thì các tỷ số M/B của 2 công ty cũng giống nhau
- e. Nếu công ty A có tỷ số P/E cao hơn công ty B, thì công ty B sẽ có rủi ro thấp hơn và cũng kỳ vọng có tỷ lệ tăng trưởng nhanh hơn

Trả lời:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận dành cho cổ đông thường}}{\text{Số cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

Nếu 2 công ty có cùng Lợi nhuận ròng, cùng số cổ phiếu lưu hành (*trường hợp này lợi nhuận ròng cả 2 công ty đều trả cổ tức hết cho cổ đông thường*) \Rightarrow EPS 2 công ty là giống nhau.

$$P/E = \frac{\text{Giá trị trường của cổ phiếu}}{EPS}$$

Mặt khác giá cổ phiếu trên thị trường 2 công ty là giống nhau \Rightarrow P/E cũng phải giống nhau.

CÂU HỎI SƯU TẦM TRÊN INTERNET VÀ SÁCH THAM KHẢO

Câu 1 (*trương ứng câu 51 – Hà Thu*): Giám đốc mới của công ty muốn tăng vị thế tài chính của công ty. Hành động nào dưới đây sẽ làm tăng sức mạnh tài chính của công ty?

- a. Tăng khoản phải trả trong khi giữ doanh thu không đổi
- b. Tăng khoản phải thu trong khi giữ doanh thu không đổi

c. Tăng hàng tồn kho trong khi giữ doanh thu không đổi

d. Tăng EBIT trong khi giữ doanh thu không đổi

e. Tăng giấy nợ phải trả trong khi giữ doanh thu không đổi

Trả lời:

Việc tăng EBIT trong khi giữ doanh thu không đổi phản ánh hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp ngày càng tốt. Phản ánh khả năng sinh lời từ hoạt động đầu tư là có hiệu quả.

Câu 2 (tương ứng câu 53 – Hà Thu): Dấu hiệu nào dưới đây cho thấy công ty đang cải thiện vị thế tài chính của mình, các yếu tố khác không đổi?

a. Tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn và nhanh giảm

b. Tỷ số EBIT và D/A coverage tăng

c. Vòng quay tổng tài sản giảm

d. TIE giảm

e. DSO tăng

Trả lời:

Trong các chỉ số trên chỉ có tỉ số EBIT và D/A được thông báo tăng là dấu hiệu cho thấy công ty đang cải thiện vị thế tài chính của mình trong khi các yếu tố khác không đổi. Vì EBIT tăng phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và hoạt động đầu tư của công ty đang ngày càng cải thiện theo chiều hướng tốt, D/A tăng phản ánh khả năng sử dụng linh hoạt các nguồn vốn tài trợ bên ngoài của công ty. Các chỉ tiêu còn lại đều phản ánh không tốt tình hình tài chính của công ty.

Câu 3 (tương ứng câu 56 – Hà Thu): Câu nào dưới đây là đúng?

a. Nếu một công ty có tỷ số M/B cao nhất trong ngành, thì, các yếu tố khác không đổi, điều này có nghĩa là hội đồng quản trị nên sa thải giám đốc.

b. Các yếu tố khác không đổi, nếu một công ty có tỷ số P/E cao nhất trong ngành thì điều này có nghĩa là hội đồng quản trị nên sa thải giám đốc công ty

c. Các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ số M/B càng cao thì giá trị thị trường kỳ vọng tăng thêm càng cao

d. Nếu một công ty có các giá trị kinh tế tăng thêm trong quá khứ cao, và nếu các nhà đầu tư kỳ vọng tình trạng này tiếp diễn thì tỷ số M/B và MVA sẽ thấp hơn mức trung bình

e. Các yếu tố khác không đổi, nếu tỷ lệ tăng trưởng kỳ vọng trong tương lai càng cao, thì tỷ số P/E càng thấp

Trả lời:

Trường hợp nếu các yếu tố khác không đổi mà tỉ số M/B càng cao thì càng phản ánh sự kỳ vọng của các nhà đầu tư vào công ty càng cao => sự kỳ vọng đó được phản ánh vào giá thị trường của cổ phiếu => giá thị trường kỳ vọng của cổ phiếu tăng thêm càng cao.

Câu 4 (giống câu 61 – Hà Thu): Một công ty tăng vị thế tài chính của mình. Hành động nào dưới đây sẽ làm tăng tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn?

a. Vay ngắn hạn và sử dụng số tiền nhận được thanh toán các khoản nợ đáo hạn trên 1 năm

b. Giảm tỷ số kỳ thu tiền của công ty xuống mức trung bình ngành và sử dụng số tiền tiết kiệm để mua máy móc trang thiết bị

c. Sử dụng tiền để tăng dự trữ hàng tồn kho

d. Sử dụng tiền để mua lại cổ phiếu của công ty

e. Phát hành cổ phiếu mới và sử dụng một phần tiền thu được để mua thêm hàng tồn kho và giữ số tiền còn lại dưới dạng tiền mặt.

Trả lời:

$$\text{Current Ratio} = \frac{\text{TSNH}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{\text{Total current assets}}{\text{Total current liabilities}}$$

Việc phát hành cổ phiếu mới và sử dụng tiền thu được để mua thêm HTK và giữ tại quỹ sẽ làm cho TSNH tăng, trong khi đó nợ ngắn hạn không thay đổi \Rightarrow Tỷ số khả năng thanh toán ngắn hạn (CR) tăng.

Câu 5 (giống câu 76 – Hà Thu): Công ty HD và LD có cùng tổng tài sản, doanh thu, và chi phí hoạt động, lãi suất. Tuy nhiên, công ty HD có tỷ số nợ cao hơn. Câu nào dưới đây là đúng?

a. Công ty LD có khả năng sinh lời cơ bản (BEP) cao hơn

b. Công ty HD có khả năng sinh lời cơ bản cao hơn

c. Nếu lãi suất vay vốn của công ty cao hơn khả năng sinh lời cơ bản, thì công ty HD sẽ có ROE cao hơn

d. Nếu lãi suất vay vốn của công ty thấp hơn khả năng sinh lời cơ bản, thì công ty HD sẽ có ROE cao hơn

e. Với các thông tin đã cho, LD phải có ROE cao hơn

Trả lời:

HD và LD có cùng tổng tài sản, doanh thu, chi phí hoạt động \Rightarrow EBIT giống nhau.

Do D/A của HD cao hơn LD \Rightarrow chi phí lãi vay HD cao hơn LD \Rightarrow LNST của HD thấp hơn LD.

Nếu lãi suất vay vốn công ty thấp hơn khả năng sinh lời cơ bản (BEP) thì chứng tỏ EBIT thừa khả năng tài trợ cho chi phí lãi vay, hay cả 2 công ty có lợi nhuận ròng dương.

Từ các sự kiện trên \Rightarrow có thể ROE của HD cao hơn LD (vì câu này không cho biết 2 công ty cùng VCSH hay không nên không thể đưa ra dự báo cụ thể về ROE của 2 công ty này được).

(theo tui: có thể giải thích để loại trừ 4 câu còn lại để chọn đáp án là d)

Câu 6 (giống câu 77 – Hà Thu): Nếu một chủ ngân hàng đang xem xét yêu cầu vay vốn của công ty, câu nào dưới đây được coi như là đúng?

a. Tỷ số TIE càng thấp, các yếu tố khác không đổi, ngân hàng sẽ đưa ra lãi suất càng thấp

b. Tỷ số EBIT và D/A coverage càng thấp, các yếu tố khác không đổi, thì lãi suất ngân hàng đưa ra càng thấp

c. Các yếu tố khác không đổi, tỷ số thanh toán ngắn hạn càng thấp, lãi suất ngân hàng đưa ra càng thấp

d. Các yếu tố khác không đổi, tỷ số nợ càng thấp, lãi suất ngân hàng đưa ra càng thấp

e. Các yếu tố khác không đổi, tỷ số nợ càng cao, lãi suất ngân hàng đưa ra càng thấp

Trả lời: d

Câu 7 (giống câu 78 – Hà Thu): Walter Industries có tỷ số thanh toán ngắn hạn là 0.5. Một cách độc lập, hành động nào dưới đây sẽ làm tăng tỷ số thanh toán ngắn hạn?

- a. Sử dụng tiền để giảm các giấy nợ phải trả ngắn hạn
- b. Sử dụng tiền để giảm các khoản phải trả
- c. Vay bằng các giấy nợ phải trả và sử dụng số tiền thu được để tăng hàng tồn kho**
- d. Sử dụng tiền để giảm các khoản nợ dài hạn
- e. Sử dụng tiền để giảm các khoản nợ tích lũy

Trả lời: c

Câu 8 (giống câu 79 – Hà Thu): Tổng tài sản ngắn hạn của Safeco là \$20 triệu, nợ ngắn hạn là \$10 triệu, trong khi Risco có tài sản ngắn hạn là \$10 triệu, nợ ngắn hạn là \$20 triệu. Cả hai công ty đều muốn "window dressing" phù phép báo cáo tài chính cuối năm của họ, và để làm vậy họ lên kế hoạch vay ngắn hạn \$10 triệu và giữ số tiền vay trong tài khoản tiền mặt. Câu nào dưới đây mô tả rõ nhất kết quả của giao dịch này?

- a. Giao dịch này sẽ không ảnh hưởng tới sức mạnh tài chính của công ty được đo lường bằng tỷ số thanh toán ngắn hạn
- b. Giao dịch này sẽ làm tăng sức mạnh tài chính của cả hai công ty đo lường bằng các tỷ số thanh toán ngắn hạn
- c. Giao dịch này sẽ làm giảm sức mạnh tài chính của cả 2 công ty đo lường bằng các tỷ số thanh toán ngắn hạn
- d. Giao dịch này sẽ làm giảm sức mạnh tài chính của Safeco nhưng làm tăng sức mạnh tài chính của Risco đo lường bằng tỷ số thanh toán ngắn hạn**
- e. Giao dịch này sẽ làm tăng sức mạnh tài chính của Safeco nhưng làm giảm sức mạnh tài chính của Risco đo lường bằng tỷ số thanh toán ngắn hạn

Trả lời: d